

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.	
1.	Thông tin khái quát.	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	4
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	6
5.	Định hướng phát triển.	8
6.	Các rủi ro.	9
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	13
2.	Tổ chức và nhân sự.	13
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	15
4.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	16
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	17
2.	Tình hình tài chính.	20
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	24
4.	Kế hoạch phát triển.	25
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	26
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	27
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.	
1.	Hội đồng Quản trị.	28
2.	Ban kiểm soát.	29
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát.	32
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.	
1.	Ý kiến kiểm toán.	35
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	42

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 09/7/2015.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ: 146 E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 39 979 292 – 39 979 393
- Số Fax: (84.8) 39 979 555
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập Công ty:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố. Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, Công ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

b. Niêm yết:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

c. Thời gian các mốc sự kiện quan trọng từ khi thành lập đến nay:

2000 Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp Nhà Nước, Công Ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC).

2001 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm qua đã xây dựng được uy tín thương hiệu SFC trên thị trường xăng dầu thành phố và đưa đến một sự kiện đặc biệt là việc ký kết “*Hợp Đồng trao quyền ưu tiên lựa chọn cung ứng nhiên liệu*” giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn với Công ty TNHH BP Oil International vào ngày 20/12/2001.

2004 Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn chính thức tham gia sàn giao dịch chứng khoán ngày 21/09/2004 (tại Trung tâm GDCK TP.HCM nay là Sở Giao Dịch CK TP.HCM), chỉ sau 4 năm cổ phần hóa, với mã giao dịch là SFC, là 1 trong 20 doanh nghiệp lên sàn đầu tiên của Thành Phố.

2007 Vốn điều lệ Công ty vào ngày đầu thành lập là 17 tỷ đồng (01/10/2000), trong đó vốn Nhà nước chiếm 20% do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA – tiền thân là Sở Thương Nghiệp TP. HCM nắm giữ).

Thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh (văn bản số 7518/UBND-CNN), vào ngày 06/12/2007, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đã chuyển phần vốn Nhà Nước đang nắm giữ sang Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO) – Đơn vị trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Thành Ủy nay là Cơ quan Văn Phòng Thành Ủy TP.HCM và là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu có uy tín trên thị trường xăng dầu cả nước.

Ngoài ra, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **17 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng**, đem lại gần 25 tỷ đồng vốn thặng dư; đồng thời tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú (Công ty con) từ 7,9 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

2009 Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn đã hoàn thành 2 đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **34 tỷ đồng lên 45,9 tỷ đồng** (ngày 12/05/2009) và lên **81 tỷ đồng** (ngày 11/12/2009); đồng thời tăng vốn điều lệ cho Cty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú từ **10 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng**.

2010 Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **81 tỷ đồng lên 102,7 tỷ đồng** (vào tháng 07/2010).

Cũng trong năm 2010, Công ty thành lập mới Chi Nhánh SFC Đồng Tháp gồm 2 Trạm Kinh doanh Xăng dầu số 22 và 23 tại thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Suốt chặng đường xây dựng và phát triển, nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân viên Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn đã nỗ lực không ngừng để Công ty vững bước đi lên, khẳng định thương hiệu SFC trên thị trường, được Đảng và Nhà Nước tặng nhiều phần thưởng cao quý, mà phần thưởng vinh dự nhất đánh dấu Lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty và 10 năm cổ phần hóa là Công ty được Chủ Tịch Nước phong tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhì vào tháng 09/2010.

2011 Ngày 26/02/2011 Công ty khởi công xây dựng Cao ốc Văn Phòng Công ty tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận với qui mô 6 tầng, tổng diện tích xây dựng 1.454 m²; đồng thời Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ vốn Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Chế biến gỗ Tân Phú kể từ tháng 11/2011.

2012 Ngày 17/01/2012 Công ty đã làm Lễ động thổ và khởi công xây dựng Siêu thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức với quy mô 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 6.597,74m²; đồng thời trong năm đã chính thức đưa Cao ốc Văn Phòng Công ty “SFC Building” tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận vào hoạt động. Trong năm, Công ty nhận giải thưởng “Top 50 Doanh nghiệp có Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2011” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Nhà Nước bình chọn.

2013 Tháng 07/2013 Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ **102,7 tỷ đồng** lên **112,9 tỷ đồng** thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu. Như vậy, sau 12 năm cổ phần, vốn điều lệ Công ty đã tăng từ 17 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng, **tăng gấp 6,64 lần** (664,11%).

Ngày 28/6/2013 dự án hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn và Liên hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) đã chính thức Khai Trương Siêu Thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức; đồng thời trong năm Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 2 Trạm KDXD số 9 và Trạm KDXD số 13 vào cuối tháng 12/2013.

Ngày 20/12/2013 Công ty đã liên kết với Ngân hàng VietinBank và MasterCard khai trương dịch vụ thanh toán xăng dầu bằng thẻ MasterCard tại Trạm KDXD số 4 và đây là điểm chấp nhận thẻ đầu tiên của MasterCard trong ngành bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam. dầu tại Việt Nam.

2014 Trong năm, Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 2 Trạm KDXD số 21 và Trạm KDXD số 6. Đồng thời, được giấy chứng nhận là Công ty đạt thứ hạng cao nhất trong nhóm ngành thương mại về chỉ số hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp năm 2014.

2015 Công ty đã vinh dự đón nhận cờ truyền thống của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh trao tặng nhân Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập (1975 – 2015).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, khí đốt, bếp gas; dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu; sản xuất và lắp ráp bếp gas các loại;
- Mua bán sản phẩm gỗ, thu mua nguyên vật liệu và sản xuất chế biến hàng mộc; thu mua chế biến hàng nông, thủy hải sản;

- Mua bán hàng Công nghệ phẩm, thực phẩm, rau quả tươi sống, nước tinh khiết, nước giải khát các loại, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại, xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà ở để bán hoặc cho thuê)
- Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng; cho thuê văn phòng, căn hộ cao cấp;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; dịch vụ uỷ thác và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Đại lý bảo hiểm;
- Nhập khẩu:
 - ✓ Gỗ nguyên liệu, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng mộc, nông, thuỷ hải sản;
 - ✓ Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas.
- Xuất khẩu: Hàng mộc tinh chế.
- Kinh doanh bất động sản.
- Trồng lúa; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây ăn quả; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Nuôi trồng thuỷ sản nội địa.
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Sao chép bản ghi các loại.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy); Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác.
- Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan; Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan.
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán

phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội); Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm.
- Hoạt động tư vấn quản lý; Quảng cáo.
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục nghề nghiệp.
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

b. Địa bàn kinh doanh:

Các Cửa hàng XD, Trạm KDXD của Công ty nằm rải rác trên các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

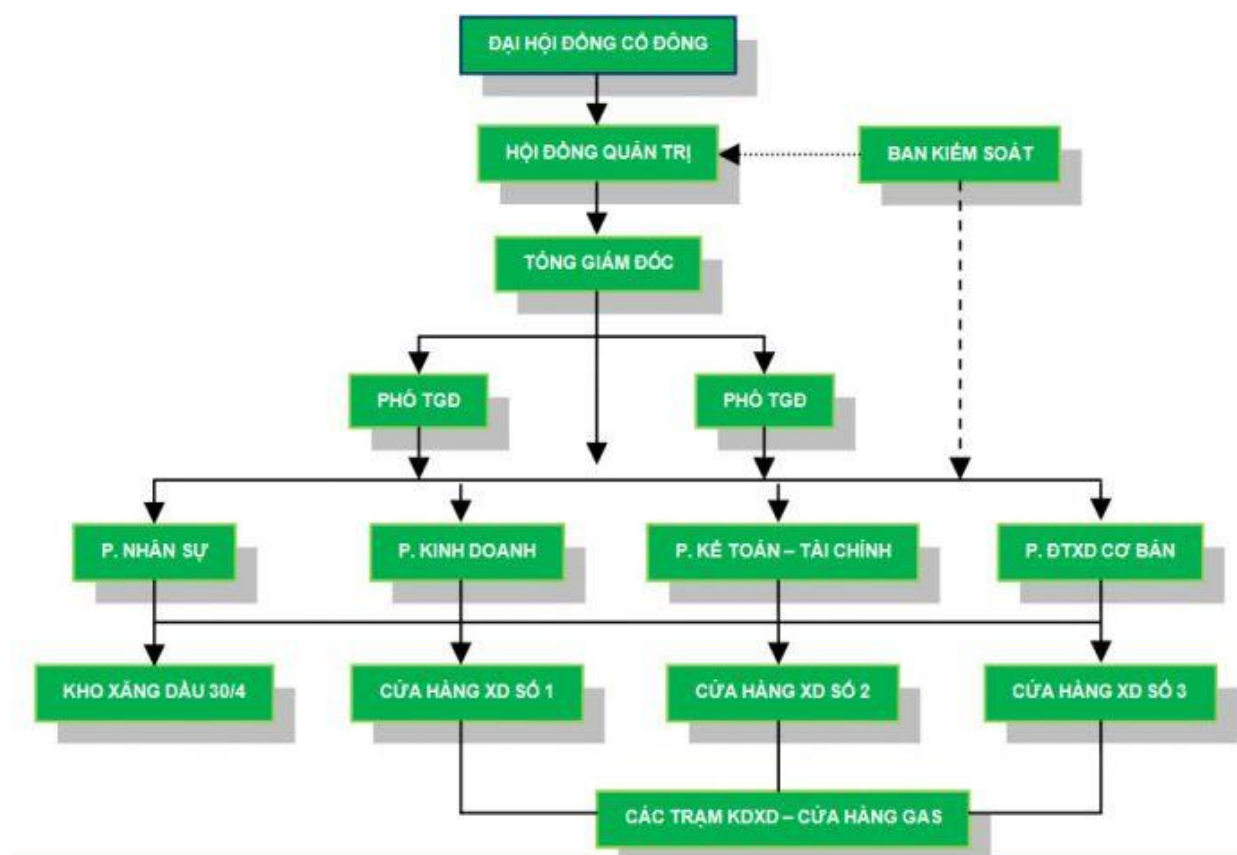
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ KD và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHCĐ; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
- Ban Kiểm soát (BKS) do ĐHCĐ bầu ra gồm 3 thành viên là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ làm việc tương đương nhiệm kỳ HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc (BTGD) Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm, gồm: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

b. Sơ đồ tổ chức:



5. **Định hướng phát triển:**

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty đã xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. **TẦM NHÌN:** Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty kinh doanh xăng dầu hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

b. **SỨ MỆNH:** SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

c. **GIÁ TRỊ CỐT LÕI:**

- Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy định, quy trình, quy chế... của Công ty.
- Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.
- Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận lực với công việc để tạo hiệu quả cao nhất.

d. **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Xăng dầu đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi mà nhu cầu tiêu thụ xăng dầu rất lớn. Với tác hại do xăng dầu gây ra, trong khả năng của mình Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng như: Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ chủ nguồn thải, thu gom chất thải nguy hại, lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho các Trạm KDXD theo quy định; Thực hiện Chương trình 5S; Lắp đặt hệ thống thu hồi hơi tại các Trạm KDXD; Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; Khám sức khỏe định kỳ và khám chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên bán hàng; Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, PCCN....

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng rất quan tâm đến các hoạt động cộng đồng như: xây dựng quỹ tương trợ, quỹ học bổng “Nguyễn Đức Cảnh” nhằm hỗ trợ, giúp đỡ cho CBNV; hàng năm tổ chức trao học bổng cho con CBNV học giỏi, nhận và nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng trong hơn 18 năm qua; vận động CBCN đóng góp tổ chức trao quà cho học sinh nghèo, gia đình chính sách, trẻ khuyết tật, mồ côi gặp khó khăn nơi xa xôi hẻo lánh.... Những nội dung trên cũng là một trong những mục tiêu chiến lược của Công ty trong quá trình hoạt động nhằm góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và lâu dài, đồng thời thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng xã hội.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế:

Sự phát triển ngành xăng dầu gắn chặt vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và những chính sách kinh tế điều tiết cho ngành nói riêng. Kinh tế phát triển nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng cá nhân cũng như của cả xã hội và ngược lại. Theo báo cáo tình hình kinh tế- xã hội của Chính phủ tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 là 5,89%, năm 2012 là 5,03%, năm 2013 là 5,4%, năm 2014 là 5,98%, năm 2015 là 6,68% (đây là mức tăng cao nhất trong 5 năm qua) và dự báo năm 2016 sẽ là 6,7% cho thấy sự phát triển nền kinh tế đang có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng. Tuy nhiên nền kinh tế trong nước vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trước tình hình kinh tế thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành sản xuất kinh doanh phân phối nhiên liệu xăng dầu và hoạt động kinh doanh của SFC. Qua đó có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với Công ty tương đối cao.

Trong tình hình đó, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của mình và thực hiện một số biện pháp như: mở rộng mạng lưới bán lẻ, xây dựng, cải tạo nâng cấp các Trạm KDXD hiện hữu, đầu tư trang thiết bị mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, tiết giảm chi phí...

b. Rủi ro thị trường:

Ngành xăng dầu, xét từ nhiều góc độ, là một ngành hàng quan trọng mà cho đến nay vẫn chịu sự quản lý trực tiếp của Nhà nước. Do nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Theo Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) ước tính nhu cầu dầu mỏ của thế giới năm 2016 sẽ thêm 1,34 triệu thùng/ngày, giá xăng dầu sẽ giảm nhẹ. Do xăng dầu là mặt hàng không có sản phẩm thay thế nên lượng sản phẩm tiêu thụ cũng không thay đổi nhiều khi có biến động về giá, tuy nhiên mức thù lao các nhà phân phối dành cho doanh nghiệp KDXD sẽ được điều chỉnh trong những lần tăng giảm giá. Để có mức thù lao tốt nhất, Công ty xây dựng chính sách mua hàng linh hoạt so với trước nhằm góp phần nâng cao hiệu quả cho Công ty.

c. Rủi ro pháp luật:

Từ một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh và chịu ảnh hưởng của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa chữa, thay đổi của các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

Ngoài những ảnh hưởng của pháp luật về thị trường chứng khoán và cổ phần hoá, Công ty còn phải chịu rủi ro về pháp luật liên quan tới các chính sách thuế xuất nhập khẩu, đặc biệt là thuế nhập khẩu mặt hàng nhiên liệu xăng dầu và các tiêu chuẩn về xăng dầu do Nhà nước quy định.

Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về Kinh doanh xăng dầu và có hiệu lực thi hành từ 01/11/2014, đã bổ sung thêm hình thức phân phối và mở rộng đối tượng phân

phối cũng như lộ trình đầu tư cơ sở vật chất sẽ góp phần đa dạng hóa loại hình kinh doanh xăng dầu, tăng thêm khả năng cạnh tranh.

Đối với Công ty để giảm thiểu rủi ro này, HĐQT và Ban điều hành thường xuyên theo dõi, phân tích, dự báo tình hình qua đó lựa chọn và đưa ra những biện pháp kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ giúp Công ty đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

d. Rủi ro ngành nghề:

Ngành nghề của Công ty là kinh doanh xăng dầu, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, hỏa hoạn. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC được triển khai và thực hiện nghiêm trong toàn hệ thống, Công ty đã thường xuyên kiểm tra hệ thống báo cháy tự động kết nối trung tâm và vận hành hệ thống chữa cháy bằng bột Foam tại các Trạm KDXD nhằm đảm bảo hệ thống luôn luôn hoạt động tốt. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC cho toàn thể CB NV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

e. Rủi ro tín dụng:

Là đơn vị kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp. đại lý... đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro này.

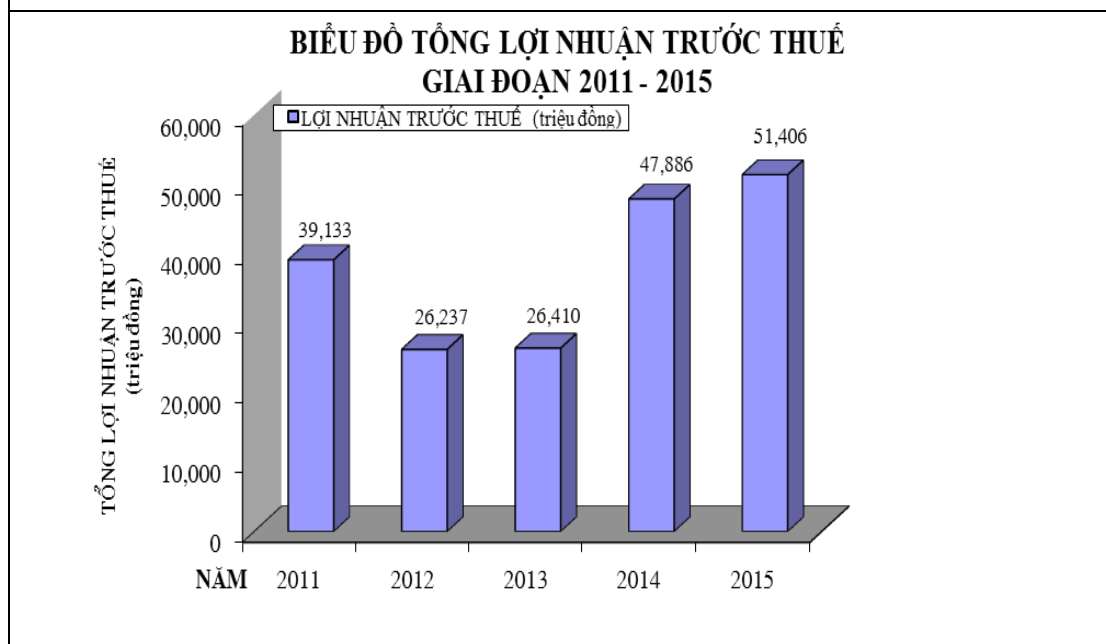
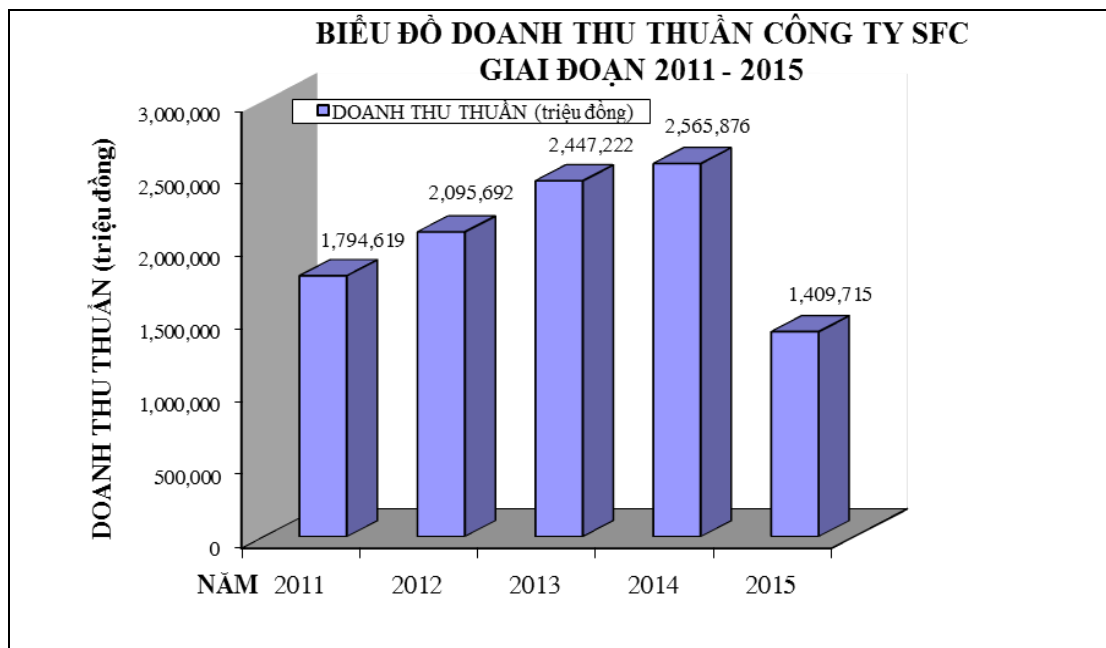
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Công ty thực hiện nhiệm vụ năm 2015 trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới. Ở trong nước, giá cả trên thị trường thế giới biến động, nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước, nhưng đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng. Với nỗ lực và quyết tâm trong năm qua tập thể CB NV Công ty đã vượt qua những khó khăn, thử thách để trưởng thành và phát triển bền vững, khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường. Sau hơn 15 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định, trở thành một Công ty cổ phần kinh doanh thương mại dịch vụ đa ngành với vốn điều lệ đạt 112,9 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản 449,247 tỷ đồng, doanh thu của Công ty luôn tăng trưởng, thương hiệu SFC đã chiếm được lòng tin của người tiêu dùng, khẳng định được vị trí trên thị trường xăng dầu, gas và cũng là một trong những Công ty cổ phần có giá trị cổ phiếu giao dịch tương đối ổn định trên thị trường chứng khoán.

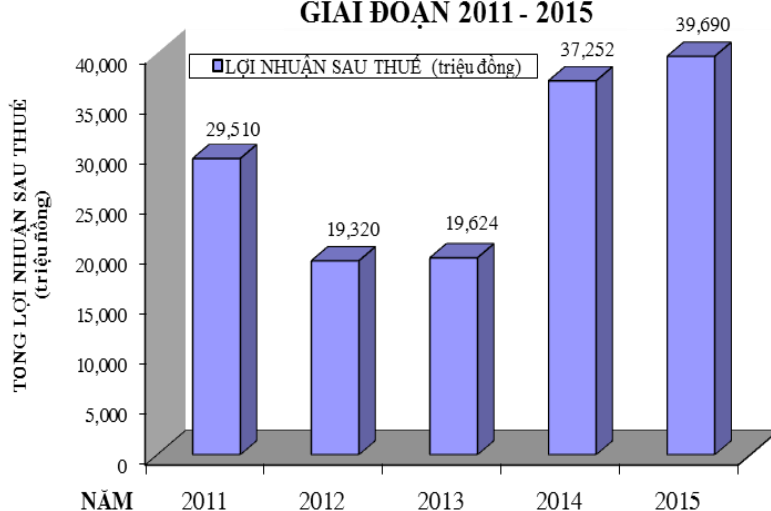
Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:

Đvt: Triệu đồng

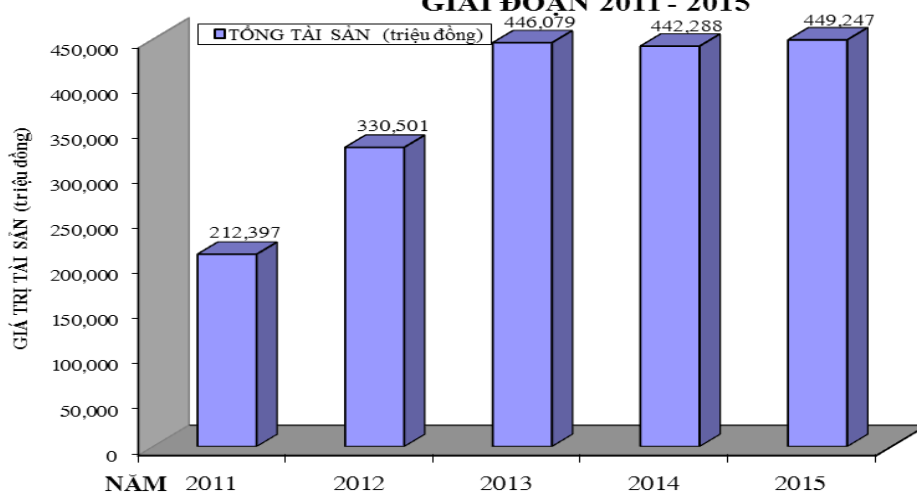
Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	1.794.619	2.095.692	2.447.222	2.565.876	1.409.715
Lợi nhuận trước thuế	39.133	26.237	26.410	47.886	51.406
Lợi nhuận sau thuế	29.510	19.320	19.624	37.252	39.690
Tổng tài sản	212.397	330.501	446.078	442.288	449.247
Vốn điều lệ	102.704	102.704	112.915	112.915	112.915



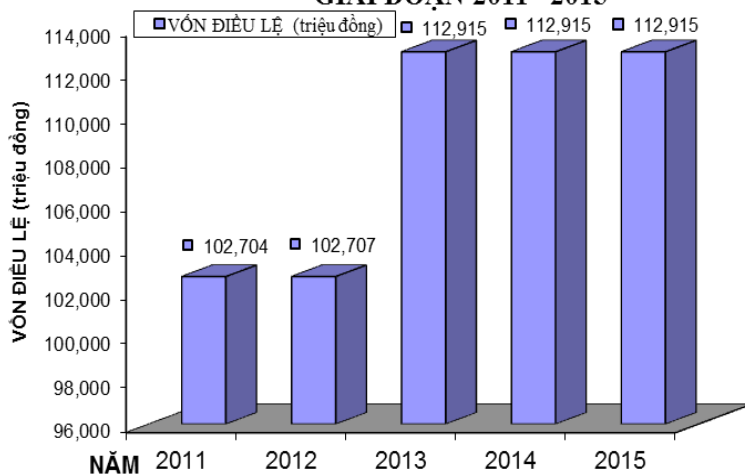
**BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**



**BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY SFC
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**



**BIỂU ĐỒ VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY SFC
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**



1. **Tình hình hoạt động kinh doanh:**

- **Doanh thu thuần** thực hiện năm 2015: **1.409,715 tỷ đồng**, bằng 77,06 % so KH năm (1.829,319 tỷ đồng) và bằng 54,94 % so thực hiện năm 2014 (2.565,875 tỷ đồng).
- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm 2015: **51,406 tỷ đồng**, bằng 168,97 % so KH năm (30,423 tỷ) và bằng 107,35% so thực hiện năm 2014 (26,410 tỷ đồng).
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm 2015 là: **39,690 tỷ đồng**, bằng 166,96% so KH năm (23,771 tỷ) và bằng 106,54% so thực hiện năm 2014 (37,252 tỷ đồng).
- **Khả năng sinh lời**
 - ✓ Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE): 20,43 %
 - ✓ Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA): 8,43%
 - ✓ Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS): 3.241 đồng.

2. **Tổ chức và nhân sự:**

a. **Danh sách Ban điều hành.**

Ông Phan Ngọc Hùng

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Tổng Giám đốc

- 1979
- Thạc sỹ kinh tế

Bà Bùi Hoài Châu

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Phó Tổng Giám đốc

- 1968
- Cử nhân kinh tế.

Ông Bùi Xuân Vũ

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Phó Tổng Giám đốc

- 1969
- Cử nhân kinh tế.

Bà Võ Thị Thu

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Kế toán trưởng

- 1978
- Cử nhân Tài chính Kế toán

b. **Những thay đổi trong Ban Điều hành:**

- Ngày 10/6/2015 Hội đồng Quản trị biểu quyết thuận 5/5 bổ nhiệm ông Phan Ngọc Hùng vào chức danh Tổng Giám Đốc thay thế Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh kể từ ngày 01/7/2015.
- Ngày 01/3/2016 Hội đồng Quản trị biểu quyết thuận 5/5 bổ nhiệm bà Bùi Hoài Châu vào chức danh Phó Tổng Giám Đốc kể từ ngày 01/3/2016.

c. **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**
Số lượng người lao động trong Công ty đến thời điểm ngày 31/12/2015 là 263 người.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ cụ thể như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Khôi gián tiếp	Khôi trực tiếp	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sĩ	1	1		0,39
2	Đại học	35	14	21	13,3
3	Cao đẳng	5	4	1	1,9
4	Trung cấp	35	6	29	13,31
5	Cấp 3	123	12	111	46,77
4	Cấp 2	61	10	51	23,19
5	Cấp 1	3		3	1,14
	Tổng cộng	263	47	216	100

- **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

• **Chính sách đào tạo:**

Căn cứ nhu cầu phát triển Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại cho CBNV nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài ra, Công ty thường xuyên huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các Bộ luật liên quan và kỹ năng. Công ty đã quy định cụ thể trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn đối với chức danh quản lý và thời gian phấn đấu với mục đích nâng cao năng lực, trình độ quản lý.

• **Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên.

Công ty ban hành quy chế trả lương, thưởng, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CB.NV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động đạt như sau:

Năm thực hiện	Thu nhập bình quân
2014	10.440.609 đồng/người/tháng
2015	10.375.000 đồng/người/tháng

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho nhân viên theo Bộ Luật LĐ, Luật BHXH và Thỏa ước LĐTT.

Hàng năm tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho CBNV đồng thời tổ chức khám và chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên trực tiếp bán xăng dầu. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Tổ chức tặng quà cho CBNV nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thương binh liệt sĩ 27/7, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12, ... Tham gia các hoạt động xã hội tương thân tương ái, giúp đỡ CBNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo của TP, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng...

Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức CBNV đi nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể với kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

3. **Tình hình tài chính:**

a. **Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	%thực hiện 2015/2014
Tổng giá trị tài sản	442.288.463.838	499.247.144.499	113
Doanh thu thuần	2.565.875.915.945	1.409.715.399.782	55
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.801.632.345	52.496.645.596	115
Lợi nhuận khác	2.084.293.403	(1.090.891.806)	-52
Lợi nhuận trước thuế	47.885.925.748	51.405.753.790	107
Lợi nhuận sau thuế	37.252.206.575	39.689.567.014	107
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/VĐL	20%	25%	125

b. **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,24	1,29	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,12	1,24	Lần

<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	58,34	59,08	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	140,02	144,37	%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân	41,49	60,42	vòng
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	577,66	299,45	%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời(%)</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	1,45	2,82	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,70	20,43	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,39	8,43	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thu thuần	1,79	3,72	%

Nhận xét:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2015 rất tốt và an toàn thể hiện thông qua các chỉ số khả năng thanh toán và đặc biệt là các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận tăng so với năm trước do Công ty đã có nhiều biện pháp để giảm công nợ, giảm chi phí, sử dụng vốn hợp lý, khai thác hết công suất các mặt bằng hiện có để kinh doanh...

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay (chốt danh sách cổ đông ngày 10/3/2016):
11.291.459 cổ phiếu - Trong đó có 56.640 cổ phiếu quỹ.

b. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 10/3/2016:

HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	Số lượng	%/VĐL
I. Cá nhân	2.891.328	25,61%
- Trong nước	2.667.858	23,63%
+ Trong đó : CBCNV SFC	97.505	0,86%
- Nước ngoài	223.470	1,98%
II. Tổ chức	8.400.131	74,39%
- Trong nước	8.391.348	74,31%
+ Trong đó : - STS	5.758.634	50,99%
- Saigon Petro	2.259.708	20,01%
- Nước ngoài	8.783	0,08%
Tổng cộng	11.291.459	100,00%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dịch vụ Hàng hải STS	Lầu 3, Số 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	50,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
Tổng cộng			8.018.342	71,00%

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Tồn đầu kỳ 01/01/2015: 56.640 CP.
- Mua: 0 CP
- Bán: 0 CP
- Tồn cuối kỳ 31/12/2015: 56.640 CP

d. Cổ tức:

Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 phê chuẩn, Công ty thực hiện như sau:

- Đợt 1/2015 (10/2015): Công ty đã tạm ứng chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10% trên VĐL 112,9 tỷ đồng đạt 55,56% KH.
- Đợt 2/2015: Với kết quả lợi nhuận năm 2015, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối đề xuất chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 15% trên VĐL, dự kiến thực hiện trong quý 2/2016.

e. Các chứng khoán khác:

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 31/12/2015 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; ; cổ tức năm 2015 là 0% do Công ty không có lợi nhuận.
- **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định:** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng; cổ tức năm 2014 và 2015 là 4%/VĐL.

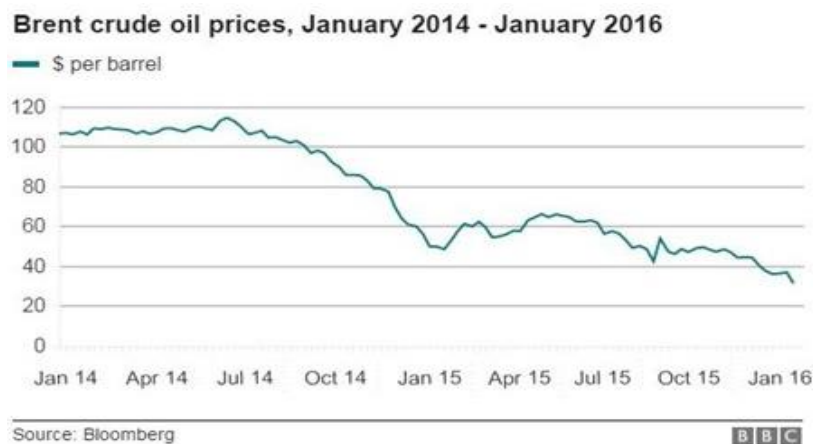
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần nhiên Liệu Sài Gòn năm 2015 chịu sự tác động trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi về chính sách quản lý chung của nhà nước đối với lĩnh vực hoạt động xăng dầu; chịu sự tác động của những biến động trên thị trường xăng dầu thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng, cụ thể:

- Giá dầu thế giới liên tục lao dốc và diễn biến khó lường, đầu năm 2014 giá dầu thô ở mức trên 100 USD/thùng thì đến cuối năm 2015 chỉ còn khoảng 36 USD/thùng, chạm đáy trong vòng 11 năm gần đây và riêng năm 2015 giảm khoảng 50%.
- Cùng với xu hướng giảm của giá dầu thô, giá xăng dầu trong nước liên tục giảm, trong năm 2015, chính phủ đã điều chỉnh giảm giá xăng dầu 13 lần và giá xăng dầu hiện nay tại thị trường trong nước tương đương với những năm 2004.
- Ngày 03/09/2014, chính phủ ban hành nghị định số 83/2014/NĐ-CP theo đó quy định chi tiết hoạt động kinh doanh xăng dầu, tăng cường tính cạnh tranh, công khai, minh bạch; quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối, đảm bảo cung ứng ổn định trong hệ thống, đảm bảo chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường; giá xăng dầu phản ánh kịp thời diễn biến xăng dầu thế giới, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tâm lý người tiêu dùng.

Biểu đồ giá dầu thô từ năm 2014 đến 2016



Trong bối cảnh chung nói trên, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty SFC năm 2015 có điểm nổi bật như sau:

a. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2015

- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm 2015: **51,40 tỷ đồng**, bằng 168,97 % so kế hoạch 30,42 tỷ đồng, tăng 7,35% so thực hiện năm 2014 (26,410 tỷ đồng).
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm 2015 là: **39,690 tỷ đồng**, bằng 166,96% so KH năm (23,771 tỷ) và bằng 106,54% so thực hiện năm 2014 (37,252 tỷ đồng).
- **Khả năng sinh lời**
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE): 20,43 %
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA): 8,43%
- Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS): 3.241đồng.

b. Hoạt động Kinh doanh xăng dầu:

- Tổng sản lượng bán ra trong năm 2015 là 97,019 triệu lít xăng dầu, đạt 108,97% kế hoạch, trong đó sản lượng bán lẻ đạt 87,18 triệu lít, tăng 3,671 triệu lít, tương đương tăng 5,01% so với kế hoạch 2015. So với 2014 sản lượng bán lẻ tăng 4,40% tương đương tăng 3,67 triệu lít. Sản lượng bán buôn - đại lý thực hiện trong năm 2015 là 9,830 triệu lít tăng 63% so với kế hoạch 6 triệu lít.
- Trong năm sản lượng bán lẻ xăng dầu tại tất cả các CHXD đều tăng so với kế hoạch, trong đó Trạm KDXD số 6 và 21 do sau khi xây dựng mới (đưa vào sử dụng kể từ tháng 12/2015) sản lượng tăng đáng kể, Trạm 6: tăng 21% (+ 952.493 lít) so với cùng kỳ 2014; Trạm 21 tăng 18% (+ 959.412 lít) so với cùng kỳ 2014.
- Ngoài hoạt động bán lẻ tại các CHXD, Công ty còn hoạt động bán phiếu trực tiếp cho khách hàng và thông qua website Công ty, kết quả trong năm đã bán được 1,33 triệu lít XD đạt 111,49% so kế hoạch năm và tăng 3,76% so với cùng kỳ.
- Thực hiện chủ trương của Nhà nước, Công ty đã triển khai cho 15/17 Trạm KDXD bán xăng sinh học Xăng E5 Ron 92 kể từ tháng 11/2015 theo quy định, sản lượng xăng E5 bán bình quân hơn 500 ngàn lít/tháng.
- Trong năm 2015, công ty đã đầu tư mới 3 xe bồn để chủ động trong việc vận chuyển xăng dầu cho các trạm và khách hàng bán buôn. Tổng sản lượng vận chuyển bình quân 3 xe là 3,2 triệu lít/tháng, đáp ứng 40% nhu cầu toàn công ty.
- Trong năm 2015, công ty hoàn tất việc lắp đặt hệ thống đo bồn tự động cho 7 Trạm KDXD còn lại. Như vậy, tính đến nay toàn bộ hệ thống kinh doanh xăng dầu của Công ty đã được trang bị hệ thống đo bồn tự động, đảm bảo công tác quản lý hàng hóa hiệu quả, chính xác và thuận tiện.
- Tất cả máy móc trang thiết bị phục vụ công tác bán hàng, quản lý được bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời phục vụ kinh doanh bán hàng tốt nhất. Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng TP.HCM tổ chức kiểm định định kỳ và theo dõi thường xuyên tất cả trụ bơm tại các Trạm KDXD đảm bảo hoạt động đúng theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.
- Thực hiện vệ sinh lập barem bồn, gia công ống định đo bồn tự động cho 6 Trạm (3, 5, 11, 12, 18, 19); tăng sức chứa cho Trạm 10 (1 bồn) và Trạm 17 (2 bồn). Đảm bảo việc sửa chữa, duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất cho các trạm KDXD hoạt động ổn định và hiệu quả.
- Tăng cường và bố trí lao động hợp lý vào giờ cao điểm, tăng giờ bán, Thực hiện “cảm ơn- xin lỗi” luôn vui vẻ, ân cần với khách hàng; duy trì thực hiện chương trình 5S tại các Trạm nhằm tạo sự thông thoáng, sạch sẽ, ngăn nắp.
- Công tác phát triển mạng lưới: trong năm vẫn chưa phát triển thêm Trạm KDXD do một số điều kiện khách quan từ đối tác, hiệu quả, thủ tục xin ý kiến bổ sung quy hoạch vị trí, địa điểm đầu tư Trạm KDXD.

c. Kinh doanh mặt bằng, dịch vụ:

Doanh thu khai thác dịch vụ mặt bằng năm 2015 là 19,46 tỷ đồng đạt 107,44 so với KH và bằng 101,82% so với năm 2014. Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 8,1 tỷ đồng, tăng 3% so với kế hoạch và chiếm 20% tổng lợi nhuận sau thuế của toàn công ty.

d. Hoạt động tài chính:

Trong năm 2015, Công ty đã quản trị tốt nguồn vốn, cùng với việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khai thác hiệu quả dòng tiền nhàn rỗi để tăng hiệu quả cho Công ty. Cụ thể lợi nhuận sau thuế từ hoạt động tài chính trong năm là 5,6 tỷ đồng, tăng gần 50% so với kế hoạch và chiếm gần 15% tổng lợi nhuận sau thuế toàn công ty trong năm 2015.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Mã số		Tài Sản	31.12.2015	31.12.2014	SS(2015-2014)	SS Tốc độ (+),(-)
100	A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	371.926.884.941	312.698.174.903	59.228.710.038	18,94%
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	347.042.052.735	269.064.190.587	77.977.862.148	28,98%
111	1.	Tiền	8.042.052.735	19.064.190.587	(11.022.137.852)	-57,82%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	339.000.000.000	250.000.000.000	89.000.000.000	35,60%
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	10.190.668.452	10.437.889.113	(247.220.661)	-2,37%
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.034.513.894	9.356.274.999	(2.321.761.105)	-24,82%
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.313.678.569	744.437.484	1.569.241.085	210,80%
133	3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
134	4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
135	5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	
136	6.	Phải thu ngắn hạn khác	1.479.175.989	1.427.915.630	51.260.359	3,59%
137	7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(636.700.000)	(1.090.739.000)	454.039.000	-41,63%
139	8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	
140	IV.	Hàng tồn kho	14.681.843.754	31.979.441.483	(17.297.597.729)	-54,09%
141	1.	Hàng tồn kho	14.681.843.754	31.979.441.483	(17.297.597.729)	-54,09%
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác	12.320.000	1.216.653.720	(1.204.333.720)	-98,99%
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12.320.000	-	12.320.000	
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	1.211.653.720	(1.211.653.720)	100,00%
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	
154	4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
155	5.	Tài sản ngắn hạn khác	-	5.000.000	(5.000.000)	100,00%
200	B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	127.320.259.558	129.590.288.935	(2.270.029.377)	-1,75%
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	

220	II.	Tài sản cố định	50.019.950.383	39.929.047.991	10.090.902.392	25,27%
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	47.092.635.000	35.285.824.310	11.806.810.690	33,46%
222	-	Nguyên giá	69.528.312.472	56.404.219.296	13.124.093.176	23,27%
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế	(22.435.677.472)	(21.118.394.986)	(1.317.282.486)	6,24%
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	
225	-	Nguyên giá	-	-	-	
226	-	Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	
227	3.	Tài sản cố định vô hình	2.927.315.383	4.643.223.681	(1.715.908.298)	-36,96%
228	-	Nguyên giá	3.819.349.735	5.835.794.365	(2.016.444.630)	-34,55%
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế	(892.034.352)	(1.192.570.684)	300.536.332	-25,20%
230	III.	Bất động sản đầu tư	67.779.402.195	74.652.118.343	(6.872.716.148)	-9,21%
231	-	Nguyên giá	71.282.856.705	77.561.239.699	(6.278.382.994)	-8,09%
232	-	Giá trị hao mòn lũy kế	(3.503.454.510)	(2.909.121.356)	(594.333.154)	20,43%
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	1.431.764.546	6.258.767.349	(4.827.002.803)	-77,12%
241	1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.431.764.546	6.258.767.349	(4.827.002.803)	-77,12%
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	6.546.000.000	6.546.000.000	-	0,00%
251	1.	Đầu tư vào công ty con	-	-	-	
252	2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	10.296.000.000	-	0,00%
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)	-	0,00%
255	5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	
260	VI.	Tài sản dài hạn khác	1.543.142.434	2.204.355.252	(661.212.818)	-30,00%
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	1.444.788.970	1.749.491.016	(304.702.046)	-17,42%
262	2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	98.353.464	454.864.236	(356.510.772)	-78,38%
263	3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-	
268	4.	Tài sản dài hạn khác	-	-	-	
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	499.247.144.499	442.288.463.838	56.958.680.661	12,88%

Tổng Tài Sản đến 31/12/2015 tăng 56,9 tỷ tương ứng với tốc độ tăng 12.88 % so với cùng thời điểm năm 2014 do các nguyên nhân chủ yếu như sau :

- Tài Sản ngắn hạn tăng 59,23 tỷ , tương ứng với tốc độ tăng là 18,94 % chủ yếu là do các nhân tố sau :
 - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 28,98% do Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn tiền nhàn rỗi nên tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tăng 89 tỷ tương ứng với tốc độ

tăng là 35,6% so với 2014. Giảm lượng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tồn cuối kỳ 57,82 % so với năm 2014

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm không đáng kể với tỷ lệ giảm là 2,37% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do: Trong năm, công ty tiếp tục mua sắm đầu tư xây dựng cơ bản dở dang làm tăng 210,8 % các khoản trả trước cho người bán (công trình 105 Lê Lợi, thiết bị đo bồn các Trạm..) so với năm 2014. Ngoài ra, công nợ phải thu giảm 24,82% so với năm 2014 là do Công ty đã tăng cường các biện pháp kiểm soát công nợ bán hàng nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh xăng dầu, nợ xấu không phát sinh tăng. Bên cạnh đó, các khoản dự phòng nợ ngắn hạn cũng giảm 41,63% do đã thu hồi được nợ quá hạn của các Công Ty: Trường Giang, Tây Phương, Phan Huỳnh Ngọc và hoàn nhập lại dự phòng.
 - Hàng tồn kho đến 31/12/2015 giảm 17,3 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm là 54,09% so với năm 2015 do giá xăng dầu liên tục giảm trong năm và lượng hàng tồn kho cuối năm cũng giảm so với năm 2014., đồng thời trong giá trị hàng tồn kho đã loại trừ thuế BVMT (công ty đóng thuế BVMT từ 01/01/2015)
 - Các tài sản ngắn hạn khác cũng giảm không đáng kể 1,2 tỷ chủ yếu là thuế VAT đầu vào được khấu trừ giảm so với 2014, chuyển sang đóng thuế Vat do lượng hàng mua vào ít hơn vào cùng thời điểm 2014
- Tài sản dài hạn giảm 1,75% do các nhân tố chủ yếu như sau:
- Tài sản cố định tăng 10,09 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng là 25,27% .Trong đó nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ đã hoàn thành thủ tục hoàn công các công trình xây dựng cơ bản đưa vào sử dụng các công trình lớn như: Công trình xây dựng trạm 6, trạm 21, trạm 17, trạm 20 và mua sắm 3 xe Bồn, 1 xe o tô... 6 trụ bơm đôi cho các trạm KDXD, thiết bị đo bồn tự động cũng như các máy móc thiết bị khác tại trạm KDXD nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trong kinh doanh xăng dầu.
 - Bên cạnh đó, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng giảm tương ứng 4,83 tỷ, tương ứng với tỷ lệ giảm là 9,21% do một số công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng làm tăng tài sản CĐ bên trên .
 - Bất động sản đầu tư: giảm 6,8 tỷ tỷ, tương ứng với tỷ lệ giảm 9,21 % so với 31/12/2014 do trong kì đã nhượng bán thành công BĐS 493 Hồng Bàng và khấu hao
 - Các Tài sản dài hạn khác giảm 30 % so với 2014 chủ yếu là do trong kì phân bổ chi phí phân bổ dài hạn vào kết quả kinh doanh trong năm và giảm tài sản thuế Tn hoãn lại do đưa vào trong năm

Nhìn chung, trong năm 2015 tổng tài sản tăng với tỉ lệ 12,88% so với 2014, trong khi đó các khoản nợ phải thu lại giảm với tỷ lệ cao hơn là 24,82 % điều này cho thấy tình hình kiểm soát các khoản công nợ phải thu tại Công ty đang chuyển biến theo chiều hướng tốt, các tài sản khác tăng thêm chủ yếu là do mua sắm và đầu tư mới, trang bị thêm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tân tiến tại các Trạm Kinh doanh xăng dầu, nhằm tăng thêm tính minh bạch trong kinh doanh xăng dầu, tăng giá trị phục vụ khách hàng nhằm tăng lợi ích thương mại của Công ty trong tình hình kinh doanh có tính cạnh tranh cao như hiện nay của ngành xăng dầu.

b. Tình hình nợ phải trả:

300	C	NỢ PHẢI TRẢ	294.950.292.456	258.017.821.213	36.932.471.243	14,31%
					-	
310	I.	Nợ ngắn hạn	289.252.706.356	251.509.178.738	37.743.527.618	15,01%
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	17.486.958.607	52.319.098.825	(34.832.140.218)	-66,58%
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30.364.837.287	30.726.540.417	(361.703.130)	-1,18%
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.676.694.496	9.079.528.499	21.597.165.997	237,87%
314	4.	Phải trả người lao động	8.429.285.264	8.521.251.920	(91.966.656)	-1,08%
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	422.815.309	376.912.330	45.902.979	12,18%
316	6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
317	7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
318	8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	
319	9.	Phải trả ngắn hạn khác	3.643.577.186	1.668.268.309	1.975.308.877	118,40%
320	10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	200.092.840.000	147.244.240.000	52.848.600.000	35,89%
321	11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	
322	12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.864.301.793)	1.573.338.438	(3.437.640.231)	218,49%
323	13.	Quỹ bình ổn giá	-	-	-	
324	14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
330	II.	Nợ dài hạn	5.697.586.100	6.508.642.475	(811.056.375)	-12,46%
331	1.	Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	
332	2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	
333	3.	Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	
334	4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	
335	5.	Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	
336	6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	
337	7.	Phải trả dài hạn khác	5.697.586.100	5.433.698.100	263.888.000	4,86%
338	8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	
339	9.	Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	
340	10.	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	
341	11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	
342	12.	Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.074.944.375	(1.074.944.375)	100,00%
343	13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	

- Phân tích Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2015 tăng 36,93 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng 14,31% so với cùng thời điểm năm 2014 là do các nguyên nhân như sau :

- Nợ ngắn hạn tăng 37,74 tỷ, tương ứng với tỷ lệ 15,01 % chủ yếu là do:

- ✓ Các khoản phải trả người bán giảm 66,58% do lượng hàng mua trả chậm ít hơn cùng thời điểm 2014, đồng thời giá xăng dầu biến động giảm nhiều lần trong năm cũng là nhân tố tác động đến chỉ tiêu này.
 - ✓ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 237,87% : là do từ 01/01/2015 khi công ty mẹ, công ty STS, là doanh nghiệp đầu mỗi xăng dầu thì Công Ty SFC phải đóng thuế BVMT trên lượng hàng bán ra mua từ mẹ .5 tăng thêm chủ yếu là số dư thuế BVMT phải nộp đến 31/12/2015.
 - ✓ Nợ vay ngắn hạn cũng tăng 52,85 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng 35.89%.so với thời điểm cuối năm 2014 : công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính khá tốt trong công tác điều tiết dòng tiền, tận dụng tối đa thời điểm các ngân hàng cùng tranh đua chạy chỉ tiêu vốn vay vào thời điểm cuối năm để vay với kì hạn dài hơn
 - ✓ Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm 118,4 % do trong kì chưa thực hiện trích các Quỹ và sẽ trích bổ sung kho có nghị quyết của ĐHĐCĐ
 - ✓ Các khoản phải trả khác tăng với tỷ lệ không đáng kể
- Nợ dài hạn năm 2015 giảm 12,46% so với cùng kì năm ngoái chủ yếu là do trong năm Công ty đã hoàn nhập phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động 1,08 tỷ đồng

Tóm lại: Trong năm, Công ty không có phát sinh nợ phải trả xấu cũng như không chịu ảnh hưởng của Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- ***Triển khai định hướng của Hội đồng Quản trị, tập trung đẩy mạnh hoạt động bán lẻ;*** đầu tư mở rộng mạng lưới, nâng cấp, sửa chữa các cửa hàng bán lẻ xăng dầu; xây dựng văn hóa bán hàng Công ty; sắp xếp mô hình tổ chức bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo, khuyến khích, khen thưởng...
- ***Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý*** giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Trong năm 2015, Công ty tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung một số quy trình; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhắc nhở các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn... nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- ***Theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh :*** định kỳ hàng tuần, hàng tháng các đơn vị báo cáo xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, qua đó kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp, chấn chỉnh hoạt động nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.
- ***Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu*** trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình từ khâu giao nhận, vận chuyển và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu tốt nhất đến tay người tiêu dùng.
- ***Công tác kiểm soát chi phí:*** HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty bằng cách giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ***Chương trình 5S được thường xuyên duy trì trên toàn bộ mạng lưới kinh doanh:*** để cải tiến môi trường kinh doanh và làm việc sạch đẹp, tiện lợi; xây dựng ý thức và

thói quen làm việc chuyên nghiệp, nâng cao năng suất, góp phần hình thành văn hóa Công ty và hỗ trợ tích cực cho công tác quảng bá, nhận diện thương hiệu.

- ***Chương trình thực hiện bốn chữ vàng “Cảm ơn – Xin lỗi”***: được Công ty quy định cụ thể trong đánh giá thi đua cho cá nhân, tập thể và thường xuyên đào tạo, nhắc nhở nhân viên bán hàng nghiêm túc thực hiện nhằm xây dựng thương hiệu SFC; nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút khách hàng.
- ***Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho các cấp quản lý, nhân viên và đoàn viên thanh niên***, trong năm đã phối hợp với đơn vị tư vấn, đào tạo tổ chức các khóa học: Trung cấp nghiệp vụ xăng dầu; Lớp “Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu”; “Kỹ năng giao tiếp và bán hàng hiệu quả”; Nghiệp vụ PCCC và Nghiệp vụ bảo vệ môi trường kinh doanh XD theo quy định pháp luật; tổ chức Teambuilding “Hợp với quy luật để thành công“ cho CB NV văn phòng Công ty; Lớp học "Kỹ năng quản lý thời gian“ cho Đoàn viên thanh niên... qua đó đã bổ sung, cập nhật nhiều kiến thức về quản trị, nghiệp vụ và đem lại tinh thần phấn khởi, chan hòa trong tập thể.
- ***Xây dựng và ban hành quy trình nhận xét đánh giá thi đua khen thưởng, tiêu chí đánh giá thi đua***, chỉnh sửa các biểu mẫu chấm điểm nhằm giúp việc xét thi đua cho tập thể và cá nhân phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, việc bình bầu được công bằng, phân minh, tiết kiệm thời gian.
- ***Thường xuyên kiểm tra công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC tại các Đơn vị***; Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ chủ nguồn thải, tiến hành thu gom chất thải nguy hại và lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho các Trạm KDXD theo quy định. Tăng cường công tác trực đơn vị vào những ngày Lễ Tết đảm bảo an toàn an ninh trật tự, PCCC tại Đơn vị.

4. Kế hoạch phát triển:

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, tăng trưởng không đồng đều, thiếu bền vững, kinh doanh xăng dầu tiếp tục khó khăn do diễn biến không lường về giá dầu thế giới và ảnh hưởng mạnh mẽ các yếu tố chính trị đối với thị trường này. Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. Kế hoạch kinh doanh năm 2016:

- **Tổng lợi nhuận trước thuế : 43 tỷ đồng**
- **Tỷ lệ Cổ tức**: Dự kiến tối thiểu 20% trên vốn điều lệ.

b. Các biện pháp thực hiện:

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các CHXD hiện có, xây dựng hình ảnh nhận diện chung cho toàn hệ thống. Sắp xếp p, bố trí lại mặt bằng các CHXD đảm bảo sự thuận tiện, thông thoáng, sạch sẽ. Từng bước trang bị thay thế MMTB, đặc biệt là

trụ bơm, hệ thống công nghệ, bồn bể... đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;

- Thực hiện và giám sát việc thực hiện một cách triệt để các quy trình quy định của Cty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn, PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của công ty và các cơ quan quản lý nhà nước;
- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động công ty đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo cho CB lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối cùng là để đảm bảo việc quản lý và phục vụ khách hàng 1 cách tốt nhất;
- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí cho từng lĩnh vực hoạt động của Công ty; hoạt động bán lẻ, bán buôn xăng dầu; hoạt động vận chuyển và hoạt động khai thác dịch vụ mặt bằng. Đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tại cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.
- Hoàn thiện cơ chế lương, thưởng, hoàn chỉnh các tiêu chí đánh giá thi đua đảm bảo sự công bằng, hợp lý và khuyến khích người lao động;
- Phát triển hệ thống bán lẻ bằng việc thuê, mua, hợp tác, các trạm KDXD khu vực TP.HCM và các vùng lân cận;
- Tập trung bố trí lại mặt bằng tại các CHXD, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng, đồng thời khai thác hiệu quả các mặt bằng, cơ sở vật chất.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị đã thiết lập cơ chế họp định kỳ hàng tháng để xây dựng định hướng phát triển, xây dựng và hoạch định chiến lược, ấn định các mục tiêu kinh doanh, tài chính giao cho Ban điều hành. Các thành viên HĐQT, BKS tham gia đầy đủ các phiên họp kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết định phù hợp để Ban điều hành thực hiện tốt định hướng của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định điều lệ và làm tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của cơ quan ban ngành về công bố thông tin định kỳ, đột xuất ; các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố trên trang website của Công ty, trên các phương tiện thông tin và được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

- Ngày 10/6/2016 Hội đồng Quản trị đã miễn nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh và bầu ông Phan Ngọc Hùng thay thế kể từ ngày 01/7/2015.
- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.
- Định kỳ hàng tháng, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của Tổng Giám đốc đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Tập trung đẩy mạnh bán lẻ nhằm phát triển thị phần, phấn đấu trở thành một trong những công ty kinh doanh bán lẻ hàng đầu tại TP HCM.
- Thực hiện chủ trương mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu theo hướng tìm kiếm các Trạm KDXD hiện hữu trong khu vực thành phố HCM và ngoại thành để hợp tác hoặc thuê mặt bằng dài hạn. Trong năm sẽ phát triển ít nhất 01 Trạm KDXD nhằm mở rộng mạng lưới bán lẻ và thay thế những Trạm bị giải tỏa theo quy hoạch Thành phố.
- Đầu tư nâng cấp các Trạm KDXD, trong năm ít nhất xây dựng, sửa chữa 02 Trạm KDXD của Công ty nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tăng sản lượng bán ra và hiệu quả cho Công ty.
- Đẩy mạnh việc hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán xăng dầu qua thiết bị thanh toán thẻ giữa SFC, Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank) và Mastercard, nhằm đa dạng hóa hình thức thanh toán tạo thuận lợi và thu hút thêm khách hàng.
- Tăng cường công tác quản lý và khai thác hết công suất các cơ sở vật chất hiện có, cố gắng duy trì doanh thu ở mảng kinh doanh mặt bằng dịch vụ.
- Quản lý tốt dòng tiền đáp ứng nhu cầu kinh doanh và đầu tư cho các ngành hàng. Tính toán tận dụng nguồn vốn trong từng thời điểm để tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thông tin đối thủ, đối tác từ đó xây dựng chiến lược marketing phù hợp với ngành hàng nhằm phát triển thị trường và thương hiệu SFC bằng nhiều hình thức bán hàng, dịch vụ trước và sau bán hàng,... để giữ khách hàng và thu hút nhiều khách hàng mới.
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo hệ thống hóa toàn bộ hệ thống quản lý từ Trạm đến Công ty nhằm tăng cường công tác quản lý. Đồng thời, đưa hệ thống ERP phục vụ kịp thời nhu cầu quản lý của Công ty.
- Xây dựng và củng cố bộ máy, mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Huấn luyện, đào tạo để

nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý, chất lượng phục vụ.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp để tạo nên một tập thể gắn bó và đoàn kết nhằm góp phần hoàn thành kế hoạch năm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên trong đó 01 chủ tịch, 01 ủy viên thường trực và 3 ủy viên, trong đó có 1 thành viên tham gia Ban điều hành (Ông Phan Ngọc Hùng – Tổng Giám đốc).

- ✓ Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đã thông qua quyết định Ông Lê Trọng Hiếu chính thức là thành viên HĐQT kể từ 03/10/2014 và Ông Bùi Ngọc Thạch Anh chính thức là thành viên HĐQT kể từ 01/01/2015.
- ✓ Ngày 6/4/2015 Hội đồng Quản trị đã bầu ông Lê Trọng Hiếu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và thông qua việc bãi bỏ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT, bầu Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh giữ chức danh Ủy viên thường trực HĐQT.
- ✓ Ngày 10/6/2016 Hội đồng Quản trị đã bầu ông Phan Ngọc Hùng giữ chức danh Ủy viên thường trực HĐQT thay thế Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh.

Ông Lê Trọng Hiếu

Chủ tịch

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Phan Ngọc Hùng

Ủy viên thường trực

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Thành viên

- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Ông Châu Văn Chon

Thành viên

- Năm sinh: 1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân Luật

Ông Bùi Ngọc Thạch Anh

Thành viên

- Năm sinh: 1991
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Thương Mại Năng Lượng và Tài Chính

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp thường kỳ và bất thường, đồng thời ban hành 12 nghị quyết, 04 quyết định thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Ban

điều hành thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự.
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	12/12	100	
2	Phan Ngọc Hùng	UV TT	12/12	100	
3	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên	12/12	100	
4	Châu Văn Chơn	Thành viên	12/12	100	
5	Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	10/12	83	Đi công tác

c. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty: là 9/9 người.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty hiện nay có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, trong đó có 01 thành viên BKS tham gia điều hành. Tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2014 đã bầu bổ sung vị trí khiếm khuyết 01 thành viên Ban Kiểm Soát Ông Lê Tuấn Vũ. Ngày 6/4/2015 Ban Kiểm soát đã bầu Ông Lê Tuấn Vũ làm Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty.

Ông Lê Tuấn Vũ

- Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn:

Trưởng Ban

1980

Cử nhân Kinh tế

Ông Phạm Trần Hiền

- Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn:

Thành viên

1965

Cử nhân Kinh tế

Bà Trần Hoàng Phượng

- Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn:

Thành viên

1963

Cử nhân Kinh Tế

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Sinh hoạt của Ban kiểm soát:

- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát tổ chức họp để thông báo tình hình kinh doanh, tài chính, các hoạt động đầu tư, hoạt động khác của Công ty phát sinh trong quý và xây dựng chương trình công tác của Ban kiểm soát trong quý sau.
- Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản trị; tham gia ý kiến trực tiếp về việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Công

ty có liên quan trong hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

- **Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, cụ thể:**

- Về cổ tức: Công ty đã thực hiện chi trả hơn 5,6 tỷ đồng (tương ứng 5%) là cổ tức của năm 2014, tạm ứng hơn 11 tỷ đồng (tương ứng 10%) là cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết số 374/2015/NQ-NLSG của Hội đồng quản trị ngày 07/9/2015.
- Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015 đạt hơn 51 tỷ đồng, tăng gần 21 tỷ đồng (tương đương 165%) so với kế hoạch.
- Thù lao, quỹ hoạt động và khen thưởng của HĐQT và BKS: là 1.944.000.000 đồng.
 - ✓ Thù lao HĐQT và BKS đã chi là: 1.377.000.000 đồng (kế hoạch là 1.404.000.000 đồng)
 - ✓ Quỹ hoạt động của HĐQT và BKS đã chi là: 540.000.000 đồng (100% so kế hoạch)
- Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 244/2015/NQ-NLSG ngày 10/6/2015 lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C và kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty.

- **Nhận xét và kết luận chung về Báo cáo tài chính năm 2015:**

- Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty SFC và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2015 của SFC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý hiện hành.
- Công ty SFC đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
- Các chỉ số tài chính đều khả quan; Tình hình tài chính năm 2015 của Công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo. Nhìn chung Công ty có khả năng chủ động về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.

- **Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc**
 - Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty quy định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường kỳ và đột xuất 12 lần, đã ban hành 12 Nghị quyết và 04 quyết định thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Hàng tuần, Ban Tổng Giám Đốc đều tổ chức họp giao ban với các Trưởng Phòng và hàng quý họp giao ban mở rộng đến Trưởng các Đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông đều được trình theo đúng phân cấp quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty.
- **Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**
 - Ban Kiểm soát được cung cấp tài liệu đầy đủ và được mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám Đốc chủ trì để giám sát, tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan đến hoạt động Cty. Đồng thời Ban Kiểm Soát cũng thường xuyên phản hồi thông tin đến HĐQT và Ban TGD về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định pháp lý, Điều lệ, Quy chế của Công ty.
 - Nhìn chung, những ý kiến đóng góp và phản hồi thông tin của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý về các hoạt động kinh doanh, đầu tư, về công tác quản lý, đều được trao đổi thẳng thắn, công khai.
- **Ngoài ra, năm 2015 Ban Kiểm soát đã tổ chức thực hiện một số công việc như sau:**
 - Xem xét báo cáo kiểm toán xây dựng cơ bản công trình Trạm KDXD số 17.
 - Đóng góp ý kiến về việc công tác quản lý tiền gửi của Cty tại các Ngân hàng nhằm đảm bảo an toàn và lãi suất tối ưu.
 - Tham gia xây dựng kế hoạch 2016.
 - Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp giao ban (nếu tham dự)
 - Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm 2015 của Công ty SFC.
 - Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm 2015.
- **Kiến nghị của Ban kiểm soát:**
 - Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2016 cần tập trung một số công việc như sau:

- Tập trung đầu tư cho ngành hàng chủ lực của Cty bằng cách phát triển các trạm bán lẻ xăng dầu để mở rộng thị phần. Áp dụng các biện pháp tài chính nhằm nâng cao văn hóa bán hàng của nhân viên các trạm xăng dầu.
- Tăng cường quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Các tờ trình liên quan xây dựng cơ bản cần phản ánh đầy đủ các thông tin cần thiết như năng lực nhà thầu, nhà cung cấp, nhãn hiệu, xuất xứ, yêu cầu về chất lượng. Lựa chọn nhà thầu phải thực hiện đúng các quy định, quy chế của Cty.
- Tiếp tục xem xét xử lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác nhằm tập trung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án của Cty.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT, BKS và BTGD:

a. Thù lao của HĐQT và BKS:

- Chủ tịch HĐQT - 22.000.000 đồng/tháng.
- Phó Chủ tịch HĐQT - 17.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT - 13.000.000 đồng/tháng.
- Trưởng BKS - 17.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên BKS - 9.000.000 đồng/tháng.

b. Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc:

- Lương, trợ cấp của Tổng Giám Đốc: 56.347.905 đồng/tháng.
Thưởng 3 tháng lương
(bao gồm 01 tháng lương 13 và 02 tháng lương)
- Lương, trợ cấp của Phó Tổng Giám Đốc: 43.705.627 đồng/tháng
Thưởng 3 tháng lương
(bao gồm 01 tháng lương 13 và 02 tháng lương)

c. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: trong năm có giao dịch cổ phiếu như sau:

- Ông Lê Trọng Hiếu – CTHĐQT, mua 482.591 CP tỷ lệ nắm giữ 4,27%/VĐL.
- Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh – TVHĐQT, bán 466.591 CP, tỷ lệ nắm giữ 0%.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo luật định đối với công tác quản trị Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty chất đốt TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 70/2000QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300631013, đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 09 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 112.914.590.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 9 năm 2004 theo Giấy phép số 31/GPPH của Ủy Ban Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004 với mã chứng khoán là SFC.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (08) 39 979 292
- Fax : (08) 39 979 555
- E-mail : info@sfc.com.vn
- Mã số thuế : 0300631013

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Thu mua chế biến nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán thủy hải sản, hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm, rau quả tươi sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Thu mua nguyên vật liệu hàng mộc, nhập khẩu gỗ nguyên liệu, xuất khẩu hàng mộc tinh chế;
- Kinh doanh các loại vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas, hàng kim khí điện máy, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng nông, thủy, hải sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất chế biến hàng mộc (trừ chế biến gỗ);
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các loại, nước giải khát các loại, nước tinh khiết;
- Kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kinh doanh bất động sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Sản xuất, lắp ráp bếp gas các loại (trừ mua bán, sang chiết gas, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kho bãi;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ rửa xe, giữ xe;
- Xây dựng dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ;
- Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- Trồng lúa;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây ăn quả;



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở);
- In ấn (không in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gia kim hoàn và chi tiết liên quan (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực trong cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Dịch vụ ăn uống khác (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán – pháp luật);

498
NG T
HIỆM H
AN VÀ
&
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính – kế toán – pháp luật);
- Quảng cáo;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Cho thuê xe có động cơ
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Giáo dục mầm non;
- Hoạt động sáng tác nghệ thuật và giải trí (trừ kinh doanh phòng trà ca nhạc);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
	Ủy viên thường trực	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Ông Châu Văn Chơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015.
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Ủy viên thường trực	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2015
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Tuấn Vũ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Trần Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Hoàng Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Cao Văn Phát	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Bùi Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Ông Phan Ngọc Hùng

Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm

Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013
Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Truy cập Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0388/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 3 năm 2015.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKIIN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Hoàng Thị Thu Hương - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKIIN kiểm toán: 0101-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.926.884.941	312.698.174.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	347.042.052.735	269.064.190.587
1. Tiền	111		8.042.052.735	19.064.190.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		339.000.000.000	250.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.190.668.452	10.437.889.113
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.034.513.894	9.356.274.999
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.313.678.569	744.437.484
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.479.175.989	1.427.915.630
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(636.700.000)	(1.090.739.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.681.843.754	31.979.441.483
1. Hàng tồn kho	141	V.6	14.681.843.754	31.979.441.483
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.320.000	1.216.653.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	12.320.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.211.653.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	5.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.320.259.558	129.590.288.935
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.019.950.383	39.929.047.991
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	47.092.635.000	35.285.824.310
- Nguyên giá	222		69.528.312.472	56.404.219.296
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.435.677.472)	(21.118.394.986)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.927.315.383	4.643.223.681
- Nguyên giá	228		3.819.349.735	5.835.794.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(892.034.352)	(1.192.570.684)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	67.779.402.195	74.652.118.343
- Nguyên giá	231		71.282.856.705	77.561.239.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.503.454.510)	(2.909.121.356)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.431.764.546	6.258.767.349
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.431.764.546	6.258.767.349
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.546.000.000	6.546.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	10.296.000.000	10.296.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.543.142.434	2.204.355.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.444.788.970	1.749.491.016
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	98.353.464	454.864.236
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		499.247.144.499	442.288.463.838

15-C
 TỶ
 DƯ HẠN
 TỰ VẮT
 CHÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		294.950.292.456	258.017.821.213
I. Nợ ngắn hạn	310		289.252.706.356	251.509.178.738
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	17.486.958.607	52.319.098.825
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	30.364.837.287	30.726.540.417
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	30.676.694.496	9.079.528.499
4. Phải trả người lao động	314	V.17	8.429.285.264	8.521.251.920
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	422.815.309	376.912.330
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	3.643.577.186	1.668.268.309
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	200.092.840.000	147.244.240.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	(1.864.301.793)	1.573.338.438
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.697.586.100	6.508.642.475
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	5.697.586.100	5.433.698.100
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	-	1.074.944.375
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		204.296.852.043	184.270.642.625
I. Vốn chủ sở hữu	410		204.296.852.043	184.270.642.625
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	112.914.590.000	112.914.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.914.590.000	112.914.590.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	9.220.495.600	9.220.495.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23a	(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	40.929.968.744	40.291.027.010
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	42.646.401.143	23.259.133.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.731.653.129	23.259.133.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.914.748.014	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		499.247.144.499	442.288.463.838

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu

Võ Thị Thu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.409.715.399.782	2.567.953.343.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	2.077.427.272
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.409.715.399.782	2.565.875.915.945
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.297.784.551.409	2.452.448.336.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.930.848.373	113.427.579.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.705.413.279	13.156.695.307
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.464.380.053	8.467.390.892
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.464.380.053	8.467.390.892
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	48.673.312.598	50.205.258.433
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.001.923.405	22.109.993.040
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.496.645.596	45.801.632.345
11. Thu nhập khác	31		507.411.643	2.582.724.595
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.598.303.449	498.431.192
13. Lợi nhuận khác	40		(1.090.891.806)	2.084.293.403
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.405.753.790	47.885.925.748
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	11.359.676.004	11.041.498.825
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	356.510.772	(407.779.652)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>39.689.567.014</u>	<u>37.252.206.575</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	<u>3.241</u>	<u>3.316</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	<u>3.241</u>	<u>3.316</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Võ Thị Thu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.405.753.790	47.885.925.748
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9, V.10	5.259.363.206	4.359.746.418
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.12	(1.527.827.625)	158.811.700
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.1, VI.3, VI.4, VI.8	(14.342.272.909)	(13.380.252.205)
- Chi phí lãi vay	06		7.464.380.053	8.467.390.892
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.259.396.515	47.491.622.553
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.095.858.286	10.996.633.831
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.297.597.729	59.729.361.941
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.639.000.470)	74.732.117.784
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		292.382.046	1.220.592.304
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.345.331.993)	(8.580.899.169)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(13.404.919.639)	(9.388.320.332)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.23	159.122.000	379.541.667
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(6.409.047.077)	(4.433.498.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.306.057.397	172.147.151.861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9, V.11, VII	(16.808.752.577)	(10.023.440.150)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.1, VI.8	9.663.855.689	689.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, VI.4	14.815.188.834	12.650.786.417
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.670.291.946	3.317.346.266

19815-0
IG TY
EM HỮU H
IVÀ TUV
& C
PHỔ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E, Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	VI.20	1.365.707.522.890		2.163.960.805.400	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VI.20	(1.312.858.922.890)		(2.255.510.405.400)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.23d	(16.847.087.195)		(23.593.119.900)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.001.512.805		(115.142.719.900)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		77.977.862.148		60.321.778.227	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	269.064.190.587		208.742.412.360	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	347.042.052.735		269.064.190.587	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Võ Thị Thu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm 2015 giảm mạnh so với cùng năm năm trước do đơn giá sản phẩm xăng dầu bán ra sụt giảm. Tuy nhiên lợi nhuận lại gia tăng do tỷ lệ lãi gộp tăng.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trạm kinh doanh xăng dầu số 20	Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Kho xăng dầu 30/4	26 Đường Chuyên Dung, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 21	Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Địa điểm 105 Lê Lợi	105 Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Trạm kinh doanh xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 11	132 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas	406 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 12	912 Đường Võ Văn Kiệt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas	M5 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trạm kinh doanh xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas	138B Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas	456 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điểm kinh doanh dịch vụ	67 Phú Thọ, phường 1, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas (LPG)	263 Đường Ngô Quyền, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 18	A21 Đường Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Cửa hàng kinh doanh Gas (LPG)	263 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trụ sở Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn	146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 263 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 264 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5004
CÔ
CH NH
I TOÁN
A
/NH-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để mở rộng trạm kinh doanh xăng dầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4981
IG T
EM H
N VÀ T
& C
CPHỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	48 - 50
Nhà cửa vật kiến trúc	14 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đến hết thời hạn của quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm quản lý ERP được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3004
CÔNG
CH NH
TOÁN
A
VH-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.289.558.000	4.991.517.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.752.494.735	14.072.673.180
Các khoản tương đương tiền ^(*)	339.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	<u>347.042.052.735</u>	<u>269.064.190.587</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng kinh doanh xăng dầu	6.968.532.276	9.349.274.999
Phải thu khách hàng kinh doanh dịch vụ và kho bãi	65.981.618	7.000.000
Cộng	<u>7.034.513.894</u>	<u>9.356.274.999</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần địa ốc Đông Á	1.522.086.600	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Vạn Phước	-	110.000.000
Công ty TNHH kỹ thuật Nam Dương	-	299.250.000
Công ty TNHH tin học Nhật Quang	-	233.329.684
Công Ty TNHH thiết bị và tự động hóa Nhật Quang	421.229.722	-
Các nhà cung cấp khác	370.362.247	101.857.800
Cộng (*)	2.313.678.569	744.437.484

(*) Trong đó, trả trước cho người bán liên quan đến tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản là: 2.022.157.944 VND (đầu năm là 734.437.484 VND).

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.207.977.779	-	1.317.753.334	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	-	-
Tạm ứng	82.547.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	173.651.210	-	110.162.296	-
Cộng	1.479.175.989	-	1.427.915.630	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần đầu tư Nhật Nam Á						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>331.400.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>331.400.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Vĩnh Xương						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>295.300.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>295.300.000</i>	<i>-</i>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tây Phương						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 02 đến 03 năm</i>	<i>20.000.000</i>	<i>10.000.000</i>	<i>Từ 02 đến 03 năm</i>	<i>20.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Các khách hàng khác						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>496.039.000</i>	<i>42.000.000</i>
Cộng		646.700.000	10.000.000		1.142.739.000	52.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.090.739.000	931.927.300
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng	(454.039.000)	158.811.700
Số cuối năm	636.700.000	1.090.739.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.745.603.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	113.088.598	-	50.840.468	-
Công cụ, dụng cụ	18.608.359	-	37.996.364	-
Hàng hóa	14.550.146.797	-	24.556.121.651	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.588.880.000	-
Cộng	14.681.843.754	-	31.979.441.483	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ, dụng cụ đang phân bổ.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	1.250.000.020	1.500.000.016
Công cụ, dụng cụ	194.788.950	249.491.000
Cộng	1.444.788.970	1.749.491.016

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	31.121.508.558	20.576.071.710	1.758.225.394	2.948.413.634	56.404.219.296
Tăng trong năm	6.334.497.549	1.114.166.182	8.531.849.998	1.084.747.730	17.065.261.459
Thanh lý, nhượng bán	(2.688.861.357)	(1.186.225.054)	-	(66.081.872)	(3.941.168.283)
Số cuối năm	34.767.144.750	20.504.012.838	10.290.075.392	3.967.079.492	69.528.312.472
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.144.215.105	5.080.661.606	-	402.430.758	8.627.307.469
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.158.118.840	8.630.704.754	592.884.598	736.686.794	21.118.394.986
Khấu hao trong năm	1.657.131.059	1.621.493.229	422.547.526	351.649.064	4.052.820.878
Thanh lý, nhượng bán	(1.508.932.230)	(1.160.524.290)	-	(66.081.871)	(2.735.538.392)
Số cuối năm	11.306.317.669	9.091.673.693	1.015.432.124	1.022.253.987	22.435.677.472

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.963.389.718	11.945.366.956	1.165.340.796	2.211.726.840	35.285.824.310
Số cuối năm	<u>23.460.827.081</u>	<u>11.412.339.145</u>	<u>9.274.643.268</u>	<u>2.944.825.505</u>	<u>47.092.635.000</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.835.794.365	-	5.835.794.365
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.168.750.000	1.168.750.000
Mua sắm mới trong năm	24.284.050	246.250.000	270.534.050
Thanh lý, nhượng bán	(3.455.728.680)	-	(3.455.728.680)
Số cuối năm	<u>2.404.349.735</u>	<u>1.415.000.000</u>	<u>3.819.349.735</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.192.570.684	-	1.192.570.684
Khấu hao trong năm	90.855.234	74.241.786	165.097.020
Thanh lý, nhượng bán	(465.633.352)	-	(465.633.352)
Số cuối năm	<u>817.792.566</u>	<u>74.241.786</u>	<u>892.034.352</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.643.223.681	-	4.643.223.681
Số cuối năm	<u>1.586.557.169</u>	<u>1.340.758.214</u>	<u>2.927.315.383</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	53.282.130.128	24.279.109.571	77.561.239.699
Thanh lý, nhượng bán	(6.243.029.494)	(35.353.500)	(6.278.382.994)
Số cuối năm	<u>47.039.100.634</u>	<u>24.243.756.071</u>	<u>71.282.856.705</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.980.415.125	928.706.231	2.909.121.356
Khấu hao trong năm	383.777.928	657.667.380	1.041.445.308
Phân loại khấu hao	(322.642.866)	322.642.866	-
Thanh lý, nhượng bán	(411.758.654)	(35.353.500)	(447.112.154)
Số cuối năm	1.629.791.533	1.873.662.977	3.503.454.510
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	51.301.715.003	23.350.403.340	74.652.118.343
Số cuối năm	45.409.309.101	22.370.093.094	67.779.402.195

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Điểm kinh doanh 31 Nguyễn An Khương, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	176.484.000	153.045.258	23.438.742
Điểm kinh doanh 525 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	104.400.000	103.274.327	1.125.673
Quyền sử dụng đất 31 Nguyễn An Khương, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	8.085.425.184	722.409.116	7.363.016.068
Quyền sử dụng đất 525 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	9.227.618.107	907.382.417	8.320.235.690
Công trình siêu thị Co-op Mart Bình Triệu	23.962.872.071	1.617.343.392	22.345.528.679
Quyền sử dụng đất 105 Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	29.726.057.343	-	29.726.057.343
Cộng	71.282.856.705	3.503.454.510	67.779.402.195

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	10.365.246.410	10.415.750.036
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.041.445.308	1.138.730.849

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	8.531.849.998	(8.531.849.998)	-
Xe bồn chở xăng	-	7.130.359.089	(7.130.359.089)	-
Xe Toyota	-	1.401.490.909	(1.401.490.909)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	6.258.767.349	3.068.518.971	(7.895.521.774)	1.431.764.546
Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	915.900.909	-	-	915.900.909
Công trình 105 Lê Lợi	515.863.637	-	-	515.863.637
Phần mềm ERP	1.168.750.000	206.250.000	(1.375.000.000)	-
Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 06	1.659.910.760	1.078.730.433	(2.738.641.193)	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 17	-	509.830.634	(509.830.634)	-
Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 21	1.998.342.043	988.108.473	(2.986.450.516)	-
Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 10	-	285.599.431	(285.599.431)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Cộng	6.258.767.349	11.600.368.969	(16.427.371.772)	1.431.764.546

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	(3.750.000.000)	6.546.000.000	10.296.000.000	(3.750.000.000)	6.546.000.000
Công ty cổ phần cà phê Petec	296.000.000	-	296.000.000	296.000.000	-	296.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	10.000.000.000	(3.750.000.000)	6.250.000.000	10.000.000.000	(3.750.000.000)	6.250.000.000
Cộng	10.296.000.000	(3.750.000.000)	6.546.000.000	10.296.000.000	(3.750.000.000)	6.546.000.000

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	454.864.236	47.084.584
Hoàn nhập	(356.510.772)	407.779.652
Số cuối năm	98.353.464	454.864.236

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	16.598.520.000	50.078.803.026
Công ty cổ phần xăng dầu dịch vụ hàng hải STS	16.598.520.000	19.210.963.026
Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh	-	30.867.840.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	888.438.607	2.240.295.799
Cộng (*)	17.486.958.607	52.319.098.825

(*) Trong đó, phải trả cho người bán liên quan đến tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản là: 242.515.698 VND (đầu năm là 2.086.005.109 VND).

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khách hàng khác	364.837.287	726.540.417
Cộng	30.364.837.287	30.726.540.417

(*) Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận ứng trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 105 đường Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	26.415.490.832	(23.772.418.551)	2.643.072.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.486.686.938	11.359.676.004	(13.404.919.639)	1.441.443.303
Thuế thu nhập cá nhân	273.933.811	1.775.781.127	(1.999.810.111)	49.904.827
Thuế bảo vệ môi trường	-	169.468.795.000	(147.881.626.000)	21.587.169.000
Tiền thuê đất	5.318.907.750	5.420.425.162	(5.784.227.827)	4.955.105.085
Các loại thuế khác	-	121.913.623	(121.913.623)	-
Cộng	9.079.528.499	214.562.081.748	(192.964.915.751)	30.676.694.496

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh xăng, dầu, chuyển nhượng bất động sản...; Thu hộ điện 10%
- Thu hộ tiền nước 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.405.753.790	47.885.925.748
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	229.137.135	2.521.455.272
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(218.750.000)
Thu nhập tính thuế	51.634.890.925	50.188.631.020
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.359.676.004	11.041.498.825

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời gian và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII năm họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động bán xăng dầu từ nguồn cung cấp Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải STS là công ty mẹ với mức thuế như sau:

- Xăng	3.000 VND / Lit
- Dầu Diesel	1.500 VND / Lit

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	8.429.285.264	8.521.251.920
Cộng	8.429.285.264	8.521.251.920

Quỹ lương của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết số 598/2014/NQ-NLSG của Hội đồng quản trị.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	276.498.945	157.450.885
Chi phí dịch vụ vận chuyển	-	75.195.082
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	146.316.364	144.266.363
Cộng	422.815.309	376.912.330

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	494.506.400	316.935.920
Bảo hiểm xã hội	234.472.117	-
Bảo hiểm y tế	36.139.165	-
Bảo hiểm thất nghiệp	16.561.620	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	883.806.900	1.218.239.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	1.650.000.000	-
Cổ tức phải trả	17.388.185	12.246.880
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	310.702.799	120.846.509
Cộng	3.643.577.186	1.668.268.309

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.697.586.100	5.433.698.100
Cộng	5.697.586.100	5.433.698.100

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	95.767.150.000	68.499.800.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	51.606.540.000	38.018.130.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.119.000.000	30.628.410.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	10.097.900.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ^(iv)	44.600.150.000	-
Cộng	<u>200.092.840.000</u>	<u>147.244.240.000</u>

(i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.

(iii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	147.244.240.000	238.793.840.000
Số tiền vay phát sinh	1.365.707.522.890	2.163.960.805.400
Số tiền vay đã trả	(1.312.858.922.890)	(2.255.510.405.400)
Số cuối năm	<u>200.092.840.000</u>	<u>147.244.240.000</u>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	1.074.944.375
Số sử dụng	(1.155.750)
Số hoàn nhập	(1.073.788.625)
Số cuối năm	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
		Tăng khác			
Quỹ khen thưởng	872.982.871	638.941.734	159.122.000	(2.077.009.544)	(405.962.939)
Quỹ phúc lợi	670.213.717	638.941.734	-	(2.770.381.783)	(1.461.226.332)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	30.141.850	993.245.628	-	(1.020.500.000)	2.887.478
Cộng^(*)	1.573.338.438	2.271.129.096	159.122.000	(5.867.891.327)	(1.864.301.793)

(*) Trong năm 2015, quỹ khen thưởng, phúc lợi chỉ vượt không thực hiện tạm trích và sẽ được trình bổ sung sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S	57.586.340.000	50,99	112.914.590.000	-
Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh	22.597.080.000	20,01	22.597.080.000	-
Cổ đông khác	32.731.170.000	29,00	32.731.170.000	-
Cộng	112.914.590.000	100,00	112.914.590.000	-

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu phổ thông	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 04 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng HĐQT và ban kiểm soát :	993.245.628
• Trích quỹ khen thưởng :	638.941.734
• Trích quỹ phúc lợi :	638.941.734
• Trích quỹ đầu tư phát triển :	638.941.734
• Trích quỹ hoạt động HĐQT và ban kiểm soát :	504.000.000
• Chia cổ tức năm 2014 :	5.617.409.500
Cộng	9.031.480.330

Công ty tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền 11.234.819.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 374/2015/NQ-NLSG ngày 07 tháng 9 năm 2015.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.062.551.067	3.921.567.837
Trên 1 năm đến 5 năm	8.250.204.268	19.607.839.185
Trên 5 năm	39.078.505.480	121.051.008.685
Cộng	49.391.260.815	144.580.415.707

24b. Tài sản nhận giữ hộ

Hàng hóa nhận giữ hộ là phiếu xăng đã bán nhưng khách hàng chưa đến lấy hàng.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Lít)	Số tiền	Số lượng (Lít)	Số tiền
Dầu DO (0,05%S Max)	15.420	169.201.600	15.200	261.292.920
Xăng RON 92	99.617	1.316.673.256	130.368	2.313.675.784
Xăng RON 95	13.062	195.718.442	13.536	259.498.878
Cộng	128.099	1.681.593.298	159.104	2.834.467.582

24c. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý là công nợ của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thái Dương với số tiền là 421.976.000 VND. Nguyên nhân do không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.383.322.763.698	2.548.837.514.695
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.464.275.207	19.115.828.522
Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	6.928.360.877	-
Cộng	<u>1.409.715.399.782</u>	<u>2.567.953.343.217</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán.	-	2.077.427.272
Cộng	<u>-</u>	<u>2.077.427.272</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.290.911.835.261	2.451.309.605.693
Giá vốn của dịch vụ cho thuê bất động sản	1.041.445.308	1.138.730.849
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư thanh lý	5.831.270.840	-
Cộng	<u>1.297.784.551.409</u>	<u>2.452.448.336.542</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.668.192.808	12.883.170.611
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.220.471	54.774.696
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	218.750.000
Cộng	<u>14.705.413.279</u>	<u>13.156.695.307</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.464.380.053	8.467.390.892
Cộng	<u>7.464.380.053</u>	<u>8.467.390.892</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.044.182.518	25.954.069.580
Chi phí vật liệu, bao bì	163.519.210	2.665.372
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	670.635.205	2.892.191.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.078.453.749	2.513.183.875
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	7.100.693.185	6.012.446.927
Tiền thuê đất	5.353.564.522	5.734.395.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.598.265.226	3.100.147.524
Các chi phí khác	3.663.998.983	3.996.157.426
Cộng	<u>48.673.312.598</u>	<u>50.205.258.433</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.146.590.826	15.327.355.051
Chi phí vật liệu quản lý	-	5.782.727
Chi phí đồ dùng văn phòng	328.498.103	966.237.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.139.464.149	707.831.694
Thuế, phí và lệ phí	181.611.162	138.032.757
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(454.039.000)	158.811.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.013.404.859	1.176.963.886
Các chi phí khác	3.646.393.306	3.628.978.071
Cộng	<u>18.001.923.405</u>	<u>22.109.993.040</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.460.230.407	466.443.101
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	23.438.000	-
Chi phí khác	114.635.042	31.988.091
Cộng	<u>1.598.303.449</u>	<u>498.431.192</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.689.567.014	37.252.206.575
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	(3.281.630.078)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	36.407.936.936	37.252.206.575
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.234.819	11.234.819
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.241</u>	<u>3.316</u>

(*) Chi tiết các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

	VND
• Quỹ khen thưởng HĐQT và ban kiểm soát	874.440.807
• Quỹ khen thưởng	405.962.939
• Quỹ phúc lợi	1.461.226.332
• Quỹ hoạt động HĐQT và ban kiểm soát	540.000.000
Cộng	<u>3.281.630.078</u>

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu năm trước chưa được tính toán lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Nếu lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu năm trước sẽ là 2.858 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.162.652.518	3.866.877.174
Chi phí nhân công	37.190.773.344	41.299.130.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.259.363.206	4.359.746.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.426.488.401	16.024.108.690
Chi phí khác	4.677.403.842	7.904.119.409
Cộng	<u>67.716.681.311</u>	<u>73.453.982.322</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	242.515.698	2.086.005.109
Trả trước tiền mua tài sản cố định	2.022.157.944	734.437.484
Cộng	<u>2.264.673.642</u>	<u>2.820.442.593</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	15.044.211.276	9.640.962.764
Trên 1 năm đến 5 năm	44.235.613.079	47.446.482.000
Trên 5 năm	167.558.298.650	168.398.058.330
Cộng	<u>226.838.123.005</u>	<u>225.485.503.094</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các phụ cấp khác với tổng tiền lương trong năm là 3.994.866.757 VND (năm trước là 3.711.765.324 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S	Cổ đông sở hữu 50,99% cổ phần
Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông sở hữu 20,01% cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh		
<i>Mua hàng hóa</i>	240.006.090.905	2.282.957.739.995
<i>Trả cổ tức</i>	3.372.130.923	4.745.386.800
Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S		
<i>Mua hàng hóa</i>	1.025.380.784.428	263.493.244.663
<i>Trả cổ tức</i>	8.637.951.000	4.161.267.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. **Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, nhớt và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

4. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	347.042.052.735	-	-	-	347.042.052.735
Phải thu khách hàng	7.034.513.894	-	-	(636.700.000)	6.397.813.894
Các khoản phải thu khác	1.381.628.989	-	-	-	1.381.628.989
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.296.000.000	-	-	(3.750.000.000)	6.546.000.000
Cộng	365.754.195.618	-	-	(4.386.700.000)	361.367.495.618
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	269.064.190.587	-	-	-	269.064.190.587
Phải thu khách hàng	9.356.274.999	-	-	(1.090.739.000)	8.265.535.999
Các khoản phải thu khác	1.427.915.630	-	-	-	1.427.915.630
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.296.000.000	-	-	(3.750.000.000)	6.546.000.000
Cộng	290.144.381.216	-	-	(4.840.739.000)	285.303.642.216

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	17.486.958.607	-	-	17.486.958.607
Vay và nợ	200.092.840.000	-	-	200.092.840.000
Các khoản phải trả khác	3.296.713.193	-	-	3.296.713.193
Cộng	220.876.511.800	-	-	220.876.511.800
Số đầu năm				
Phải trả người bán	52.319.098.825	-	-	52.319.098.825
Vay và nợ	147.244.240.000	-	-	147.244.240.000
Các khoản phải trả khác	1.728.244.719	-	-	1.728.244.719
Cộng	201.291.583.544	-	-	201.291.583.544

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	347.042.052.735	-	269.064.190.587	-	347.042.052.735	269.064.190.587
Phải thu khách hàng	7.034.513.894	(636.700.000)	9.356.274.999	(1.090.739.000)	6.397.813.894	8.265.535.999
Các khoản phải thu khác	1.381.628.989	-	1.427.915.630	-	1.381.628.989	1.427.915.630
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.296.000.000	(3.750.000.000)	10.296.000.000	(3.750.000.000)	6.546.000.000	6.546.000.000
Cộng	365.754.195.618	(4.386.700.000)	290.144.381.216	(4.840.739.000)	361.367.495.618	285.303.642.216

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	17.486.958.607	52.319.098.825	17.486.958.607	52.319.098.825
Vay và nợ	200.092.840.000	147.244.240.000	200.092.840.000	147.244.240.000
Các khoản phải trả khác	3.296.713.193	1.728.244.719	3.296.713.193	1.728.244.719
Cộng	220.876.511.800	201.291.583.544	220.876.511.800	201.291.583.544

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Số liệu so sánh

6a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

6b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước		Số liệu sau điều chỉnh
		Điều chỉnh	Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định	220	46.187.815.340	(6.258.767.349)	39.929.047.991
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	6.258.767.349	6.258.767.349
Quỹ đầu tư phát triển	418	30.923.042.906	9.367.984.104	40.291.027.010
Quỹ dự phòng tài chính		9.367.984.104	(9.367.984.104)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)


7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Võ Thị Thu
Kế toán trưởng





Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

146E Nguyễn Đình Chính, P.8, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM

ĐT: (08) 39.979.292 - 39.979.393 - 39.979.494 * Fax: (08) 39.979.555

Email: info@sfc.com.vn - Website: www.sfc.com.vn